| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẦU NGANG**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

**Bản án số: 22/2025/DS-ST.**
**Ngày 06/02/2025.**
*"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Trần Thị Phương Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Mên;

Ông Lê Văn Được.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (bà L có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Tăng Thành V, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (ông V có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:*

- Vào năm 2019, bà có cho T Thành Văn vay số tiền là 150.000.000 đồng, bà trực tiếp đưa tiền cho ông Văn N, khi vay thì ông V có viết biên nhận có bà, quá trình vay thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 2% /tháng nhưng ông V không có đóng lãi cho bà mà có trả cho bà 6 lần mỗi lần là 6.000.000 đồng và 25.000.000 đồng tiền gốc, hiện tại ông V còn nợ bà số tiền 89.000.000 đồng. Người trực tiếp vay và nhận tiền của bà là ông V, bà không biết chị T1. Trước đây bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang giải quyết buộc ông Tăng Thành V phải trả số tiền đã vay là 150.000.000 đồng cho bà. Nay bà xin thay đổi nội dung đơn khởi kiện là chỉ yêu cầu ông V trả số tiền gốc là 89.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Tăng Thành V trình bày:* Ông thừa nhận vào năm 2019, ông có vay của bà Huỳnh Thị L số tiền gốc là 150.000.000 đồng, ông hỏi dùm cho cháu vợ của ông tên Hà Thị T1, ở ấp R, xã V, huyện C. Lúc nhận tiền thì bà L giao trực tiếp cho cháu T1 nhận, có mặt ông. Ông có viết biên nhận nợ cho bà L, chữ viết và chữ ký bà L cung cấp là chữ của ông (biên nhận ghi tên T2 là tên ở ngoài của ông) quá trình vay có đóng lãi cho bà L được 02 năm, lãi suất là 4%/tháng, mỗi tháng ông đóng là 6.000.000 đồng (có khi ông đưa tiền lãi cho bà L, có khi cháu T1 đưa tiền lãi cho bà L, việc trả lãi không làm giấy tờ gì). Sau đó cháu T1 không có khả năng trả lãi nên giữa ông và bà L thỏa thuận là bà L chỉ lấy số tiền gốc là 75.000.000 đồng nên ông đã trả thêm cho bà L số tiền là 25.000.000 đồng tiền gốc, hiện tại ông chỉ còn nợ bà L số tiền là 50.000.000 đồng, việc thỏa thuận này không làm giấy tờ. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền gốc là 89.000.000 đồng thì ông không đồng ý theo yêu cầu của bà L, ông chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

**Lời phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông T Thành V phải trả cho bà L số tiền gốc là 89.000.000 đồng. Về phần lãi suất bà L không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông T Thành Văn do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- *Phần kiến nghị:* Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Huỳnh Thị L khởi kiện buộc ông Tăng Thành V phải trả gốc là 89.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

*[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu ông Tăng Thành V phải trả số tiền gốc là 89.000.000 đồng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp biên nhận nợ "đề ngày 26/3/2019".

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông V thừa nhận có vay tiền của bà Huỳnh Thị L số tiền là 150.000.000 đồng. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền gốc là 89.000.000 đồng thì ông không đồng ý theo yêu cầu của bà L, ông chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V trình bày ông vay số tiền 150.000.000 đồng là vay dùm chị Hà Thị T1, ở ấp R, xã V, huyện C. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, không thừa nhận việc này mà cho rằng bà trực tiếp giao số tiền 150.000.000 đồng cho ông V nhận. Đồng thời nội dung biên nhận "đề ngày 26/3/2019" (bản chính) do nguyên đơn có cung cấp đã được ông V thừa nhận chữ viết có nội dung *"Tỷ* (tên thường gọi của ông V) *có vay tiền của bà L số tiền 150.000.000 đồng"* và chữ ký trong tờ biên nhận là chữ của ông V. Nội dung biên nhận thể hiện rõ ông *T2* (tên thường gọi của ông V) có mượn tiền của bà L, không thể hiện ông V vay tiền dùm cho chị T1. Căn cứ vào biên nhận "đề ngày 26/3/2019" đã chứng minh được ông V có vay của bà L số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn …".

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L trình bày quá trình vay ông V có trả cho bà số tiền gốc 6 lần mỗi lần là 6.000.000 đồng và 25.000.000 đồng, hiện tại ông Văn C còn nợ bà số tiền 89.000.000 đồng. Ông V không đồng ý mà cho rằng do chị T1 không có khả năng trả lãi nên giữa ông và bà L thỏa thuận là bà L chỉ lấy số tiền gốc là 75.000.000 đồng nên ông đã trả thêm cho bà L số tiền gốc là 25.000.000 đồng, hiện tại ông chỉ còn nợ bà L số tiền là 50.000.000 đồng, việc thỏa thuận này không làm giấy tờ và không ai chứng kiến. Bà L không thừa nhận việc này, ông V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những phân tích và chứng cứ nêu trên, căn cứ vào Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà L buộc ông Tăng Thành V phải trả số tiền gốc cho bà L là 89.000.000 đồng.

- *Về lãi suất:* Xét thấy đây hợp đồng vay tiền, không xác định thời hạn, có thỏa thuận về lãi suất, các bên không thống nhất về lãi suất vay. Ông V trình bày

quá trình vay ông có đóng lãi cho bà L được 02 năm, lãi suất là 4%/tháng, mỗi tháng ông đóng là 6.000.000 đồng (có khi ông đưa tiền lãi cho bà L, có khi chị T1 đưa tiền lãi cho bà L, việc trả lãi không làm giấy tờ gì). Bà L không thừa nhận việc này. Các bên đương sự không tranh chấp và không có yêu cầu gì về phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Đối với việc ông Tăng Thành V trình bày vay số tiền 150.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị L là vay dùm cho chị Hà Thị T1 ở ấp R, xã V, huyện C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có yêu cầu ông V cung cấp năm sinh của chị T1 nhưng ông V không cung cấp. Ông V không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông V có quyền khởi kiện yêu cầu chị T1 trả số tiền ông đã vay dùm cho chị T1 trong vụ án dân sự khác nếu có đủ tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình.*

*[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Tăng Thành V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí căn cứ vào Điều 12, 14 và Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông V.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào các Điều 12, 14 và Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L.

Buộc ông Tăng Thành V phải trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền gốc là 89.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Tăng Thành V được miễn án phí theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Phương Hà**